

BẢNG 4 - BẢNG GIÁ ĐẤT Ở NÔNG THÔN

Đơn vị tính : 1.000đ/m<sup>2</sup>

TT	Loại xã, nhóm xã	Khu vực 1				Khu vực 2			Khu vực 3	
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2
<b>I.</b>	<b>Xã Trung du</b>									
1.	Xã nhóm A	850	550	350	250	500	300	200	300	200
2.	Xã nhóm B	650	400	300	200	400	240	170	250	170
3.	Xã nhóm C	550	350	250	180	300	180	150	200	150
<b>II.</b>	<b>Xã Miền núi</b>									
1.	Xã nhóm A	450	300	200	160	300	170	150	200	150
2.	Xã nhóm B	400	250	180	150	280	160	140	170	140
3.	Xã nhóm C	350	200	160	140	250	150	140	150	130

BẢNG 5 - BẢNG GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT, KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP  
TẠI NÔNG THÔNĐơn vị tính : 1.000đ/m<sup>2</sup>

TT	Loại xã, nhóm xã	Khu vực 1				Khu vực 2			Khu vực 3	
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2
<b>I.</b>	<b>Xã Trung du</b>									
1.	Xã nhóm A	590	380	240	180	350	210	170	210	180
2.	Xã nhóm B	450	280	210	170	280	180	160	170	150
3.	Xã nhóm C	380	240	170	150	210	160	150	140	130
<b>II.</b>	<b>Xã Miền núi</b>									
1.	Xã nhóm A	310	210	180	160	210	170	150	180	150
2.	Xã nhóm B	280	180	160	150	190	150	140	160	140
3.	Xã nhóm C	240	160	150	140	170	140	130	120	110

**Phân loại nhóm xã áp dụng cho bảng 4, bảng 5 như sau:****- Xã trung du :**

- + Xã nhóm A: Hồng Thái, Hoàng Ninh, Quảng Minh, Quang Châu, Bích Sơn.
- + Xã nhóm B: Tụ Lạn, Việt Tiến, Tăng Tiến, Vân Trung.
- + Xã nhóm C: Ninh Sơn, Hương Mai, Vân Hà.

**- Xã miền núi :**

- + Xã nhóm A: Minh Đức.
- + Xã nhóm B: Nghĩa Trung.
- + Xã nhóm C: Trung Sơn, Tiên Sơn, Thượng Lan.